

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 31-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân

2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 602/2023/TLST-DS ngày 20/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần M.

Người đại diện theo pháp luật cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T1, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm T2, Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh (theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2023, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 130, đường Phan Đăng L, Phường A, quận Phú Nh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đức Phô 1, xã Cát M, huyện Phù C, tỉnh Bình Định. Địa chỉ tạm trú: Ấp 1, xã Mỹ Y, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Cẩm T2 đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/6/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần M (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Thu H thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 01206003/0194291601T22025 ngày 09/6/2022. Nội dung hợp đồng thể hiện, Ngân hàng cho bà H vay số tiền 50.000.000đồng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 24 tháng từ ngày giải ngân; lãi suất các bên thỏa thuận: lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn là 8%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 15,36%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hình thức thanh toán tiền gốc và lãi được chia thành 24 kỳ, số tiền góp 23 kỳ đầu là 2.420.000đồng, số tiền góp kỳ cuối là 2.340.000đồng, ngày thanh toán đầu tiên là ngày 09/7/2022; hình thức cho vay không có tài sản bảo đảm. Sau khi bà H ký tên vào hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền 50.000.000đồng vào tài khoản thẻ cá nhân của bà H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính từ ngày 09/6/2022 đến ngày 27/12/2023, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 26.316.834đồng, nợ lãi là 6.091.538đồng, lãi phạt là 1.107.628đồng. Số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại Ngân hàng nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán nhưng bà H vẫn không trả theo yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu H thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 23.683.166đồng, nợ lãi là 2.043.997đồng (tính đến ngày 31/01/2024), tổng cộng là 25.727.163đồng.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết cho đến khi bà H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ghi ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần M số tiền nợ gốc là 23.683.166đồng và tiền nợ lãi là 2.043.997đồng (tính đến ngày 31/01/2024), tổng cộng là 25.727.163đồng. Đồng

thời, cần tiếp tục duy trì mức lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với bà H cho đến khi bà H thanh toán xong số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đương sự trong vụ án tranh chấp liên quan đến hợp đồng tín dụng số 01206003/0194291601T22025 ngày 09/6/2022. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo thủ tục chung.

[2] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét hình thức, nội dung hợp đồng: Hợp đồng đồng tín dụng số 01206003/0194291601T22025 ngày 09/6/2022 được xác lập giữa Ngân hàng với bà H trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 405, Điều 406 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

[3.2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Theo hợp đồng tín dụng số: 01206003/0194291601T22025 ngày 09/6/2022, Ngân hàng cho bà H vay số tiền 50.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân, hình thức thanh toán tiền gốc và lãi được chia thành 24 kỳ, số tiền góp 23 kỳ đầu là 2.420.000đồng, số tiền góp kỳ cuối là 2.340.000đồng, ngày thanh toán đầu tiên là ngày 09/7/2022. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 50.000.000đồng vào tài khoản thẻ cá nhân của bà H. Thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 27/12/2023, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 26.316.834đồng, nợ lãi là 6.091.538đồng, lãi phạt là 1.107.628đồng. Số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại Ngân hàng nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán nhưng bà H vẫn không trả theo yêu cầu của Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà H đến Tòa án trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ nhằm bảo vệ quyền lợi của bà H đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà H cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp gồm: hợp đồng tín dụng số 01206003/0194291601T22025 ngày 09/6/2022, danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ thể hiện nội dung tại mục bên vay có chữ ký

và chữ viết của bà H. Ngoài ra, theo bảng sao kê chi tiết tiền trả nợ gốc, lãi thể hiện từ ngày 09/6/2022 đến ngày 27/12/2023 bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc 26.316.834đồng, nợ lãi 6.091.538đồng, lãi phạt 1.107.628đồng. Do đó, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc là 23.683.166đồng.

[3.2.2] Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng: Lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng do các bên tự nguyện thỏa thuận và phù hợp Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi yêu cầu bà H tiếp tục trả lãi vay, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 31/01/2024 với số tiền 2.043.997đồng là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, cần tiếp tục duy trì mức lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với bà H cho đến khi bà H thanh toán xong số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng.

Từ những phân tích tại mục [3.2.1] và [3.2.2], Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, cũng như chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 23.683.166đồng và tiền nợ lãi là 2.043.997đồng (tính đến ngày 31/01/2024), tổng cộng là 25.727.163đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 405, Điều 406, Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần M về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần M số tiền nợ gốc là 23.683.166đồng và tiền nợ lãi là 2.043.997đồng (tính đến ngày 31/01/2024), tổng cộng là 25.727.163đồng (hai mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi ba đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 01/02/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 01206003/0194291601T22025 ngày 09/6/2022.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 1.286.358đồng (một triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần M số tiền 979.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000.6724 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- CCTHADS huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Đông